

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2022/HS-ST**

Ngày: 24/01/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Đoàn Quang T, sinh ngày: 18/10/1997; nơi cư trú: ấp V, xã Đ, huyện H, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Quang K, sinh năm: 1972 và bà Võ Thị E, sinh năm: 1974; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Không;

Tiền sự: 03 tiền sự. Ngày 19/7/2021 bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt). Ngày 06/8/2021 bị Công an xã T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (chưa nộp phạt). Ngày 16/8/2021 bị Công an xã Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/10/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- ***Bị hại:*** Bà Nguyễn Thị Mười B, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp V, xã Đ, huyện H, tỉnh Bến Tre.

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Trần Ngọc R, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

2. Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

3. Ông Lê Minh C, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: ấp V, xã Đ, huyện H, tỉnh Bến Tre.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp V, xã Đ, huyện H, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Quang T là đối tượng nghiện ma túy, có 02 tiền sự về hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy, có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản. Đề có tiền tiêu xài T tiếp tục trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 07/9/2021, T đi bộ từ ấp T đến ấp V, xã Đ, huyện H để tìm tài sản lấy trộm. Khi đi ngang nhà bà Nguyễn Thị Mười B sinh năm 1973 thuộc ấp V, xã Đ, huyện H, T thấy không có người trông coi nên đột nhập vào nhà lấy trộm 01 mô tơ điện bơm nước màu xanh, nhãn hiệu Cá Sấu Xám, model 1DK15 rồi đem bán cho ông Trần Ngọc R ngụ ấp V, xã Đ, huyện H với giá 250.000 đồng.

Đến khoảng 12 giờ ngày 08/9/2021, T tiếp tục đến nhà bà Mười B lấy trộm 01 nồi cơm điện hiệu Sunhouse Model SH830 dung tích 2,8 lít và đem bán cho Phạm Quốc T ấp V, xã Đ, huyện H với giá 150.000 đồng.

Đến 19 giờ ngày 09/9/2021, T tiếp tục đến nhà bà Mười B lấy trộm 01 bình ga màu xám nhãn hiệu VT –Gas loại 13,1 ký đem bán cho Lê Minh C ngụ ấp V, xã Đ, huyện H với giá 300.000 đồng. Tổng số tiền bán được là 700.000 đồng, T tiêu xài cá nhân hết.

Cơ quan điều tra thu giữ vật chứng gồm: 01 mô tơ điện bơm nước nhãn hiệu Cá Sấu Xám, model 1DK15, 01 nồi cơm điện hiệu Sunhouse Model SH830 dung tích 2,8 lít, 01 bình ga màu xám nhãn hiệu VT –Gas loại 13,1 ký.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 27/KL – HĐĐG ngày 22/9/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận:

- 01 mô tơ điện bơm nước nhãn hiệu Cá Sấu Xám, model 1DK15, chưa qua sử dụng có giá trị 350.000 đồng.

- 01 nồi cơm điện hiệu Sunhouse Model SH830 dung tích 2,8 lít có giá trị 100.000 đồng.

- 01 bình ga màu xám nhãn hiệu VT –Gas loại 13,1 ký đang sử dụng có giá trị 250.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của các lần lấy trộm là 700.000 đồng.

Ngày 06/10/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại cho người bị hại là bà Nguyễn Thị Mười B: 01 mô tơ điện bơm nước nhãn hiệu Cá Sấu Xám, model 1DK15, 01 nồi cơm điện hiệu Sunhouse Model SH830, 01

bình ga màu xám nhãn hiệu VT–Gas loại 13,1 ký. Bà Nguyễn Thị Mười B nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Trần Ngọc R yêu cầu Đoàn Quang T bồi thường số tiền 250.000 đồng, Phạm Quốc T yêu cầu Đoàn Quang T bồi thường số tiền 300.000 đồng, Lê Minh C yêu cầu Đoàn Quang T bồi thường số tiền 150.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số: 05/CT-VKSBD ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Đoàn Quang T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Đoàn Quang T khai nhận: Vào các ngày 07, 08 và 09/9/2021, tại ấp V, xã Đ, huyện H, Đoàn Quang T có 03 lần trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị Mười B gồm: 01 mô tơ điện bơm nước nhãn hiệu Cá Sấu Xám, model 1DK15 có giá trị 350.000 đồng, 01 nồi cơm điện hiệu Sunhouse Model SH830 có giá trị 100.000 đồng, 01 bình ga màu xám nhãn hiệu VT –Gas loại 13,1 ký có giá trị 250.000 đồng. Tổng giá trị tài sản của các lần lấy trộm là 700.000 đồng. Hành vi của bị cáo Đoàn Quang T có đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo; đánh giá nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đoàn Quang T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Quang T có mức án từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Trần Ngọc R số tiền 250.000 đồng, anh Phạm Quốc T số tiền 300.000 đồng, ông Lê Minh C số tiền 150.000 đồng.

Về vật chứng, xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

Đối với hành vi của của Trần Ngọc R, Phạm Quốc T, Lê Minh C mua lại tài sản của Đoàn Quang T lấy trộm, nhưng không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có, không có hứa hẹn gì trước với T. Do đó, không xem xét xử lý đối với Trần Ngọc R, Phạm Quốc T, Lê Minh C là có cơ sở.

Bị hại bà Nguyễn Thị Mười Ba có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt: Bà đã nhận lại toàn bộ tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: anh Trần Ngọc R, anh Phạm Quốc T, ông Lê Minh C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt: anh Trần Ngọc R yêu bị cáo bồi thường cho anh Trần Ngọc R số tiền 250.000 đồng,

anh Phạm Quốc T yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh Phạm Quốc T số tiền 300.000 đồng, ông Lê Minh C yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông Lê Minh C số tiền 150.000 đồng.

Bị cáo Đoàn Quang T tự bào chữa: Nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất. Bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Trần Ngọc R số tiền 250.000 đồng, anh Phạm Quốc T số tiền 300.000 đồng, ông Lê Minh C số tiền 150.000 đồng.

Bị cáo Đoàn Quang T nói lời sau cùng: Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Bị hại là bà Nguyễn Thị Mười B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Trần Ngọc R, anh Phạm Quốc T, ông Lê Minh C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; người làm chứng là ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với các tình tiết của vụ án. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những chứng cứ trực tiếp như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản ảnh thực nghiệm điều tra, biên bản thu giữ vật chứng, bản kết luận định giá tài sản...Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đã đủ cơ sở kết luận rằng: Vào các ngày 07, 08 và 09/9/2021, tại ấp V, xã Đ, huyện H, Đoàn Quang T có 03 lần trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị Mười

B gồm: 01 mô tơ điện bơm nước nhãn hiệu Cá Sấu Xám, model 1DK15 có giá trị 350.000 đồng, 01 nồi cơm điện hiệu Sunhouse Model SH830 có giá trị 100.000 đồng, 01 bình ga màu xám nhãn hiệu VT –Gas loại 13,1 ký có giá trị 250.000 đồng. Tổng giá trị tài sản của các lần lấy trộm là 700.000 đồng.

Do đó, bị cáo Đoàn Quang T đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Đoàn Quang T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Tuy nhiên, xuất phát từ bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và thấy trước hậu quả nhưng vẫn cố ý phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội nơi xảy ra vụ án. Bản thân bị cáo đã có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[4] Về nhân thân của bị cáo:

Ngoài lần phạm tội này, Bị cáo không có tiền án nhưng có 03 tiền sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, sử dụng trái phép chất ma túy và trộm cắp tài sản. Do đó bị cáo có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài tình tiết định tội, định khung hình phạt bị cáo còn có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với bị cáo cần phải cách ly ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định nhằm để trừng trị và giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa. Mặt khác còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[8] Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại:

Buộc bị cáo Đoàn Quang T phải bồi thường cho anh Trần Ngọc R số tiền 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Đoàn Quang T phải bồi thường cho anh Phạm Quốc Thắng số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Đoàn Quang T phải bồi thường cho ông Lê Minh C số tiền 150.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[9] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Đã xử lý xong tại giai đoạn điều tra nên ghi nhận.

[10] Đối với hành vi của Trần Ngọc R, Phạm Quốc T, Lê Minh C mua lại tài sản của Đoàn Quang T lấy trộm, nhưng không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có, không có hứa hẹn gì trước với Tiến. Do đó, không xem xét xử lý đối với Trần Ngọc R, Phạm Quốc T, Lê Minh C là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[11] Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử kết án bị cáo Đoàn Quang T về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; đề nghị hình phạt; về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại; về vật chứng, xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đoàn Quang T phải chịu: 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Buộc bị cáo Đoàn Quang T phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Quang T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đoàn Quang T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 357; 468; 584; 585; 586; 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đoàn Quang T phải bồi thường cho anh Trần Ngọc Rót số tiền 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Đoàn Quang T phải bồi thường cho anh Phạm Quốc Thắng số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Đoàn Quang T phải bồi thường cho ông Lê Minh Châu số tiền 150.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 35; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đoàn Quang T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Đoàn Quang T phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Đoàn Quang T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại bà Nguyễn Thị Mười B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc R, anh Phạm Quốc T, ông Lê Minh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Bình Đại;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (P.KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Quang Hải